TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/KDTM-ST Ngày 15-9-2023 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.

2. Ông Tạ Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:215a/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm, 1969; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Thế L; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công

ty H) có trụ sở chính tại thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Năm 2022 Công ty H ký hợp đồng cung cấp xăng dầu cho Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) do ông Bùi Thế L làm giám đốc. Hình thức mua bán là hàng ngày, hàng tháng lái xe của Công ty T đến đổ xăng dầu, sau đó ghi lại tên số xe, số tiền mua xăng dầu rồi ký xác nhận vào sổ theo dõi của ông. Hình thức thanh toán: Cuối tháng Công ty ông cộng sổ rồi báo cho bên Công ty T trả tiền, có lúc thanh toán bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản nhưng Công ty T không trả hết nợ theo từng tháng mà chỉ trả một phần rồi hẹn nợ sang tháng sau.

Tổng nợ tháng 4 năm 2022 là 117.685.000 đồng, chưa thanh toán.

Tổng nợ tháng 5 năm 2022 là 216.924.000 đồng. Ngày 11 tháng 5 năm 2022 ông L chuyển khoản 30.000.000 đồng, gửi tiền mặt 50.000.000 đồng; ngày 20 tháng 5 năm 2022 gửi tiền mặt 15.000.000 đồng.

Tổng nợ tháng 6 năm 2022 là 91.534.000 đồng và nợ tháng 5 chuyển sang 239.609.000 đồng. Ngày 15 tháng 6 năm 2022 ông L chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 21 tháng 6 năm 2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng.

Tháng 7 năm 2022 tiếp tục nợ 89.419.000 đồng và khoản nợ trước 231.143.000 đồng. Ngày 18 tháng 7 năm 2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng còn nợ 270.562.000 đồng.

Tháng 8 năm 2022 nợ 11.173.000 đồng cộng với số nợ còn lại tổng 281.735.000 đồng. Ông không cho nợ nữa và đòi nợ vì bên ông L không chịu thanh toán. Ngày 04 tháng 8 năm 2022 ông L chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 20 tháng 8 năm 2022 chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 7 tháng 9 năm 2022 chuyển khoản 40.000.000 đồng, ngày 27 tháng 9 năm 2022 chuyển khoản 10.000.000 đồng, ngày 03 tháng 02 năm 2023 chuyển khoản 40.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2022 là 526.735.000 đồng. Ông L đại diện Công ty T trả cho Công ty H số tiền mặt là 65.000.000 đồng và chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng E thuộc Ngân hàng TMCP Đ (B), chủ tài khoản Nguyễn Đình H số tiền 330.000.000 đồng. Quá trình thanh toán qua tài khoản ông có sao kê kèm theo, thanh toán tiền mặt cộng dồn có thể hiện trong sổ theo dõi mà ông cung cấp cho Tòa.

Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH H số tiền 131.735.000 đồng. Công ty H nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng phía ông L trốn tránh, không chịu trả.

Nay ông đại diện cho Công ty TNHH H yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán số tiền mua bán xăng dầu còn nợ là 131.735.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng từ khi ông nộp đơn khởi kiện cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, ông H bổ sung: Công ty T đã thanh toán thêm số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu, ông xác định Công ty T còn nợ 80.835.000 đồng. Ông đại diện Công ty TNHH H yêu cầu Công ty TNHH T trả số tiền còn nợ và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về

thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T trả nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Giữa hai Công ty đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại cụ thể là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty T có trụ sở tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó, áp dụng điểm B khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Công ty T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty H, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho người đại diện hợp pháp của Công ty T cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Người đại diện của Công ty T không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Công ty H cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện có đủ căn cứ xác định:

[4] Giữa Công ty H và Công ty T có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/2022/HĐMB ngày 10 tháng 4 năm 2022. Theo như điều khoản hợp đồng thì bên A (Công ty H) cung cấp các mặt hàng xăng dầu theo nhu cầu của bên B (Công ty T). Giao hàng tại cửa hàng xăng dầu của Công ty H, lái xe ký tên vào sổ theo dõi do Công ty H cung cấp. Phương thức thanh toán hằng tháng bằng tiền mặt và chuyển khoản khi bên A xuất hóa đơn. Bên A cho bên B nợ 30 ngày. Mặc dù đại diện Công ty T không cung cấp lời khai và cũng không có mặt tại tòa tuy nhiên theo Hợp đồng kinh tế có chữ ký của người đại diện và dấu của Công ty TNHH T cũng như việc Công ty T thanh toán tiền hàng hàng tháng, ký vào sổ đối chiếu công nợ chứng tỏ việc mua bán giữa 02 Công ty là có thật. Tổng cộng nợ từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2022 là 525.835.000 đồng. Ông L đại diện Công ty T trả số tiền mặt là 65.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 380.000.000 đồng. Còn nợ lại 80.835.000 đồng. Do đó, áp dụng Điều 440 của Bộ luật dân sự, cần buộc Công ty T trả cho Công ty H số tiền mua bán chưa thanh toán là 80.835.000 đồng. Tại phiên tòa, Công ty H không

yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty T phải chịu 80.835.000 đồng x 5% = 4.042.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Công ty H được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử;

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền 80.835.000 (tám mươi triệu bám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 4.042.000 (Bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H (bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001355 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên